

Số: 30 /2018/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH3 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ”;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo”;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định kỹ thuật thu nhận, bảo quản, lưu trữ và khai thác tài liệu khí tượng thủy văn”;

Căn cứ Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 432/TTr-TNMT-VP ngày 15 tháng 5 năm 2018, Văn bản số 4304/TNMT-TTCNTT ngày 24/7/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành dau 10 ngày kể từ ký ban hành, thay thế Quyết định số 654/2012/QĐ/UBND ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành của Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh
 - CT, Các Phó CTUBND tỉnh;
 - Như Điều 4 (thực hiện)
 - V0,V2,QH1,QLĐĐ1-2
 - Lưu;VT,QLĐĐ1
- 25 bản- QĐ69.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên và môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức cá nhân trong việc thu thập quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Theo Điều 5 của Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh Quảng Ninh nhằm phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học và giáo dục - đào tạo.

Điều 4. Kinh phí thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm UBND tỉnh, các địa phương bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

MỤC I. THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các dữ liệu, thông tin được thu nhận và lưu trữ theo quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gồm 13 loại được qui định cụ thể theo Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 6. Cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp về việc quản lý, thu thập, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại tỉnh bao gồm:

a) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

b) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường cấp huyện do Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xây dựng, lưu trữ, quản lý.

c) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do UBND cấp xã thu thập, lưu trữ và quản lý.

d) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần của tỉnh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của các sở, ban, ngành do các sở, ban, ngành xây dựng, thu thập và quản lý.

Điều 7. Cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh

1. Là tập hợp thống nhất toàn bộ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn tỉnh được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu của từng lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường, được số hóa để có thể cập nhật, quản lý, khai thác bằng hệ thống công nghệ thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng lưu trữ và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu môi trường cấp tỉnh.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản

lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng có hiệu quả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

3. Nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định;

d) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh; biên tập, phát hành thông tin tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

đ) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

4. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh nhằm thống nhất trong quản lý khai thác và công bố thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường.

Điều 8. Cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện

1. Là tập hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi cấp huyện quản lý, được thu thập từ các phòng, ban và Ủy ban nhân dân cấp xã để đưa vào cập nhật, lưu trữ và quản lý theo quy định.

2. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện là Phòng Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy chế này.

Điều 9. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp xã

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thu thập, quản lý, sử dụng trên địa bàn và có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và tỉnh.

Điều 10. Cơ sở thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường thành phần

1. Cơ quan chuyên môn thu thập quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan xây dựng cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn quản lý theo chức năng nhiệm vụ của mình.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ở đơn vị mình; đồng thời có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Điều 11. Chính sách khuyến khích

Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở thông tin, dữ liệu và hiến tặng các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình thu thập để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong toàn tỉnh.

MỤC II. THU THẬP, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, dữ liệu; các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

2. Giao nộp cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với thông tin, dữ liệu được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

3. Gửi thông báo tới Bộ Tài nguyên và Môi trường, và Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu do mình sở hữu có nhu cầu cung cấp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 73/2107/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 13. Lập kế hoạch thu thập

1. Việc lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo thông tin, dữ liệu thu thập được chính xác, đầy đủ, có hệ thống nhằm phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật (nếu có) để lập kế hoạch của đơn vị mình, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo quy chế này.

Điều 14. Thực hiện kế hoạch

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả.

3. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu: Nhận trực tiếp hoặc các hình thức khác theo kế hoạch được lập hàng năm.

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá xử lý thông tin, dữ liệu

1. Thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu khi thu thập.

3. Thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường được biên tập, chỉnh sửa, sắp xếp, tổng hợp và xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa thông tin, dữ liệu đưa vào phần mềm quản lý và lưu trữ, bảo quản.

Điều 16. Giao nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy chế này.

3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định thuộc loại quản lý lưu trữ ở tỉnh thì các cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp cho đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường phân công quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường chậm nhất không quá 01 năm kể từ khi hồ sơ được phê duyệt và hoàn thiện. Trường hợp quá 01 năm nhưng chưa bàn giao thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Lưu trữ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Tất cả các thông tin, dữ liệu trước khi được cập nhật vào cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy trình, quy định. Tùy theo loại thông tin, dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có thể sắp xếp theo các tiêu chí khác nhau nội dung bao gồm:

1. Hồ sơ đo đạc bản đồ địa chính là toàn bộ kết quả giao nộp theo quy định về đo đạc thành lập bản đồ địa chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường và phương án thi công (đối với từng dự án).

2. Các loại sổ sách địa chính: Sổ địa chính, sổ mục kê, sổ theo dõi biến động đất đai; bản lưu, bản sao giấy chứng nhận; hồ sơ đăng ký biến động đất đai; hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Hồ sơ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, bản đồ kế hoạch sử dụng đất, báo cáo thuyết minh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quyết định phê duyệt của cấp thẩm quyền, các văn bản và tài liệu khác kèm theo.

4. Các kết quả, quyết định, gia hạn, thu hồi, cấp phép trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: Đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo; tài liệu lưu trữ là toàn bộ hồ sơ và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Thông tin, dữ liệu về kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo: Là toàn bộ hồ sơ giải quyết vụ việc và quyết định giải quyết có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

7. Hồ sơ số liệu, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá. Dữ liệu được lưu trữ là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành, phê duyệt (có đóng dấu xác nhận).

8. Đối với kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: Dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ

kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

MỤC III. KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của tỉnh, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 19. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Theo quy định tại Điều 16 của Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 20. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu

Theo quy định tại Điều 17 của Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 21. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu

Theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 22. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng

1. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu và tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

2. Đối với việc cung cấp bằng hợp đồng:

- Cơ quan, tổ chức có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải có công văn đề nghị hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đó và ghi rõ nội dung, mục đích của việc khai thác thông tin.

- Đối với công dân có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình thì phải có giấy tờ tùy thân hợp lệ và giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) kèm theo phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, trên phiếu ghi rõ các thông tin, dữ liệu cần cung cấp.

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng, thông tin, dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 21 quy chế này.

Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu theo nội dung yêu cầu.

Việc khai thác sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo các quy định của Nhà nước.

3. Không thực hiện việc cung cấp thông tin trong trường hợp phiếu yêu cầu cung cấp thông tin không hợp lệ, không đúng thẩm quyền; sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu không phù hợp theo quy định; không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thông tin phục vụ công tác của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh, nội bộ Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ theo các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tại Điều 5 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ và tuân thủ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng đồng thời thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo bảng giá thu tiền dịch vụ cung cấp thông tin và tiền sử dụng thông tin đã được phê duyệt.

5. Được khiếu nại, tố cáo theo qui định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

6. Được bồi thường theo qui định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

MỤC IV. KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 24. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường

trường, các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 25. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, các địa phương trong việc xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

2. Các sở, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các sở, ngành và địa phương theo quy định;

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu bố trí kinh phí phục vụ hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử; Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bố trí vốn đầu tư theo các nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt để duy trì, nâng cấp hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử;

c) Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu xây dựng quy định về các vấn đề công nghệ thông tin có liên quan; hướng dẫn, giám sát việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các phòng, cơ quan chuyên môn và địa phương khác theo quy định.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đảm bảo an toàn và tính xác thực các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã thu nhận, xử lý, đồng thời duy trì hoạt động thông suốt thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

Điều 26. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc theo quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, thu nhận, tổ chức quản lý thống nhất thông tin, dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, tổ chức thành cơ sở dữ liệu quốc gia từ bộ, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan, thực hiện việc tổng hợp, xử lý, chia sẻ phục vụ nhu cầu chung của xã hội.

4. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu cấp tỉnh cho Sở Tài nguyên và Môi trường; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu cấp tỉnh về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

MỤC V. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

a) Xây dựng, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Quy chế khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội. Tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện đối với các Sở, Ban, Ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình; chỉ đạo thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ và phân công cụ thể cho các đơn vị trực thuộc về thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.

a) Lập và trình kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành;

b) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường;

đ) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu thập, tiếp nhận, khai thác, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Duy trì hoạt động của hệ thống cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh....

3. Các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình thu thập.

Các sở, ban, ngành; quy định chức năng, nhiệm vụ và phân công cho các đơn vị trực thuộc cụ thể về thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền qui định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương.

Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 73/2107/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 29. Xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã điều tra thu thập trước ngày quy chế này có hiệu lực thi hành

Nhằm thống nhất trong công tác thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân các cấp đang quản lý và lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được xây dựng, điều tra, thu thập bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trước ngày quy chế này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

1. Trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân và Ủy ban nhân dân các cấp đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường chưa được nghiệm thu, đánh giá hoặc đang triển khai thực hiện. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đã được Nhà nước cấp kinh phí để điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, nghiệm thu, đánh giá các dữ liệu và đưa vào sử dụng theo quy chế này. Thời hạn nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường cấp tỉnh thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc dự án.

3. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy chế này.

MỤC VI. KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Kiểm tra

Công tác kiểm tra thực hiện quy định thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 31. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu huỷ trái phép, làm hư hỏng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trái với quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 32. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp trong thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện quy chế này.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng bảng giá thu tiền dịch vụ cung cấp thông tin và tiền sử dụng thông tin gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trong quý IV năm 2018.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ban, ngành và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu